Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÚ THỌ

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2026/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp và quy định một số nội dung về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13 và Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 12/2018/TT-BGTVT ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BXD ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định chi phí bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ

trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2026/TT-BXD;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 643/TTr-SXD ngày 29 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp và quy định một số nội dung về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp và quy định một số nội dung về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp và quy định một số nội dung về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 72/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng năm 10 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định:

a) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý đối với sông, kênh, hồ, đầm trên địa bàn chưa được đầu tư xây dựng, công bố mở luồng mà có hoạt động vận tải.

b) Phân cấp tổ chức thực hiện và phê duyệt hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đối với tuyến đường thủy nội địa địa phương.

c) Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT.

d) Tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT.

2. Các nội dung khác về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân cấp quản lý đối với sông, kênh, hồ, đầm chưa được đầu tư xây dựng, công bố mở luồng mà có hoạt động vận tải

1. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý đối với sông, kênh, hồ, đầm trên địa bàn chưa được đầu tư xây dựng, công bố mở luồng mà có hoạt động vận tải trong phạm vi địa bàn quản lý nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Nội dung phân cấp không bao gồm việc công bố hạn chế giao thông, chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Thông tư số 21/2026/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2026/TT-BXD và không làm phát sinh thẩm quyền cấp phép, xử phạt hoặc quyết định biện pháp quản lý chuyên ngành khác nếu pháp luật không quy định.

2. Trường hợp phạm vi quản lý tại khoản 1 Điều này liên quan từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát sinh nội dung quản lý chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để xử lý trong phạm vi thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền hoặc chưa thống nhất phương án xử lý thì báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Phân cấp tổ chức thực hiện và phê duyệt hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đối với tuyến đường thủy nội địa địa phương

1. Phân cấp cho Sở Xây dựng tổ chức thực hiện và phê duyệt hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đối với tuyến đường thủy nội địa địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện và phê duyệt hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đối với tuyến đường thủy nội địa địa phương được cơ quan có thẩm quyền giao Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 5. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ

1. Sở Xây dựng lập kế hoạch và dự kiến kinh phí bảo trì công trình đường thủy nội địa được giao quản lý hàng năm hoặc theo kỳ kế hoạch khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch

bảo trì công trình đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý trong phạm vi nhiệm vụ, nguồn lực và kinh phí được giao. Việc lập kế hoạch phải căn cứ tình trạng kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông.

3. Kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa hàng năm hoặc theo kỳ kế hoạch bao gồm các thông tin cơ bản sau: tên công trình; đơn vị tính; khối lượng; kinh phí dự kiến; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa hàng năm áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT.

4. Đối với công trình đường thủy nội địa Sở Xây dựng được giao quản lý, trình tự lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa hàng năm thực hiện như sau:

a) Hàng năm, căn cứ tình trạng kỹ thuật, quy mô, kết cấu, lịch sử bảo trì công trình, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật và các thông tin, dữ liệu có liên quan, Sở Xây dựng rà soát, tổng hợp, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí nhu cầu bảo trì công trình đường thủy nội địa của năm sau, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 6 hàng năm. Kế hoạch nhu cầu bảo trì gồm công tác bảo dưỡng thường xuyên; danh mục công trình, hạng mục công trình sửa chữa và các công việc bảo trì khác theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận kế hoạch nhu cầu và dự kiến kinh phí bảo trì công trình đường thủy nội địa cho năm sau trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

c) Căn cứ kế hoạch nhu cầu bảo trì được chấp thuận, Sở Xây dựng tổ chức lập, thẩm định hồ sơ, dự toán, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đồng thời tổng hợp kế hoạch, dự kiến kinh phí bảo trì vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Sở Xây dựng.

d) Trên cơ sở quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và kinh phí cho bảo trì công trình đường thủy nội địa, Sở Xây dựng tổ chức rà soát danh mục công trình, hạng mục công trình cần thiết, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí bảo trì công trình đường thủy nội địa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giao dự toán.

đ) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Xây dựng.

5. Đối với công trình đường thủy nội địa giao Ủy ban nhân dân cấp xã

quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ dự toán ngân sách được giao, tình trạng kỹ thuật, quy mô, kết cấu, lịch sử bảo trì công trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và khả năng cân đối nguồn lực để phê duyệt kế hoạch bảo trì; gửi kế hoạch bảo trì đã phê duyệt về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi. Việc lập, phê duyệt dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Việc xác định thứ tự ưu tiên trong kế hoạch bảo trì căn cứ mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông; tính cấp bách; tình trạng kỹ thuật; yêu cầu khắc phục sự cố, thiên tai; nhiệm vụ chuyển tiếp và khả năng cân đối nguồn lực. Công việc có nguy cơ trực tiếp gây mất an toàn công trình hoặc an toàn giao thông được ưu tiên thực hiện trước.

7. Căn cứ xác định kinh phí dự kiến khi lập kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa:

a) Đối với công việc bảo dưỡng thường xuyên: Căn cứ khối lượng công việc theo yêu cầu quản lý, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn giá hiện hành và khả năng cân đối ngân sách. Dự toán, thông báo dự toán của năm trước liền kề được sử dụng làm thông tin tham khảo.

b) Đối với công việc sửa chữa định kỳ: Căn cứ hiện trạng công trình, quy trình bảo trì (nếu có), khối lượng công việc, định mức, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đơn giá hiện hành. Dữ liệu chi phí của công trình, hạng mục công trình tương tự được sử dụng để tham khảo trong trường hợp chưa đủ cơ sở xác định chi phí và phải được điều chỉnh phù hợp với thời điểm, địa điểm, quy mô, tính chất của công việc.

c) Đối với công việc sửa chữa đột xuất: Căn cứ hiện trạng công trình, mức độ hư hỏng, yêu cầu bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông, sự cố, thiên tai và các quy định có liên quan; định mức, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn giá hiện hành. Dữ liệu chi phí của công trình, hạng mục công trình tương tự được sử dụng để tham khảo trong trường hợp chưa đủ cơ sở xác định chi phí và phải được điều chỉnh phù hợp với thời điểm, địa điểm, quy mô, tính chất của công việc.

d) Đối với công tác khác: Căn cứ yêu cầu công việc theo quy định hiện hành, định mức, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn giá hiện hành. Dữ liệu chi phí của công trình, hạng mục công trình tương tự được sử dụng để tham khảo trong trường hợp chưa đủ cơ sở xác định chi phí và phải được điều chỉnh phù hợp với thời điểm, địa điểm, quy mô, tính chất của công việc.

Điều 6. Tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương

1. Tần suất khảo sát định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương

được xác định theo phương thức chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100 điểm, được xác định cụ thể theo tiêu chí quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương được xác định trên cơ sở tổng điểm chấm theo Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này và được quy định như sau:

a) Tần suất khảo sát 01 năm/lần đối với luồng có tổng số điểm chấm đạt từ 85 điểm trở lên.

b) Tần suất khảo sát 03 năm/lần đối với luồng có tổng số điểm chấm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm.

c) Tần suất khảo sát 05 năm/lần đối với luồng có tổng số điểm chấm đạt dưới 70 điểm.

d) Tần suất khảo sát lớn hơn 05 năm/lần đối với luồng đường thủy nội địa địa phương trên vùng hồ, đầm, khu vực luồng ổn định có độ sâu lớn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Sở Xây dựng trên cơ sở bảng đánh giá, thuyết minh và tài liệu chứng minh về hiện trạng ổn định của luồng.

đ) Tần suất khảo sát nhỏ hơn 01 năm/lần đối với luồng, đoạn luồng đường thủy nội địa địa phương tại khu vực cửa sông hoặc khu vực bị bồi, xói lớn. Sở Xây dựng căn cứ tính chất, quy mô, phạm vi, vai trò của luồng đối với vận tải thủy nội địa, lập bảng đánh giá, thuyết minh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, phân cấp tại Quy định này. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý bảo đảm an toàn, hiệu quả.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chống lấn, chiếm hành lang bảo vệ luồng theo khoản 1 Điều 45 Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c) Căn cứ tiêu chí, thang điểm tại Quy định này, đánh giá, chấm điểm, lập danh mục luồng và tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; tổ chức khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện Quy định này; chủ trì tổng hợp, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chuyên ngành cấp trên về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công, phân cấp tại Quy định này. Bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách, nhân lực thực hiện công tác quản lý, bảo trì, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền giao cấp xã quản lý.

b) Phối hợp thực hiện công tác quản lý, bảo trì, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 trên các tuyến đường thủy nội địa do Sở Xây dựng được giao quản lý khi có yêu cầu hoặc khi phát sinh nội dung liên quan trên địa bàn.

c) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công, phân cấp tại Quy định này; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền đối với công tác quản lý, bảo trì, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đối với tuyến đường thủy nội địa địa phương được cơ quan có thẩm quyền giao cấp xã quản lý.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, cân đối, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, bảo trì, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phạm vi được giao và quy định của pháp luật.

b) Cung cấp hồ sơ, thông tin, số liệu có liên quan phục vụ công tác quản

lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hồ sơ, số liệu có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kế hoạch bảo trì, hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 và nhiệm vụ khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt.

2. Kế hoạch, hồ sơ, nhiệm vụ đang được lập, thẩm định nhưng chưa được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy định này.

3. Việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này sau ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan./.

Phụ lục

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH TẦN SUẤT KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 72/2026/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Tiêu chí	Điểm chấm tối đa
I	**Loại đường thủy nội địa phục vụ quản lý**	
1	Đường thủy nội địa loại 1	30
2	Đường thủy nội địa loại 2	25
3	Đường thủy nội địa loại 3	20
II	**Vai trò của luồng đường thủy nội địa đối với vận tải thủy nội địa**	
1	Luồng đường thủy thuộc hành lang vận tải, tuyến vận tải chính	30
2	Luồng đường thủy không thuộc hành lang vận tải, tuyến vận tải chính nhưng có kết nối trực tiếp với tuyến vận tải chính	25
3	Luồng đường thủy không thuộc và không kết nối trực tiếp hành lang vận tải, tuyến vận tải chính	15
III	**Trọng tải phương tiện thủy hoạt động thực tế trên luồng đường thủy nội địa**	
1	Có phương tiện thủy có trọng tải từ 1.000 tấn trở lên	20
2	Có phương tiện thủy có trọng tải từ 500 tấn đến dưới 1.000 tấn	15
3	Có phương tiện thủy có trọng tải dưới 500 tấn	10
IV	**Cấp kỹ thuật luồng đường thủy nội địa**	
1	Luồng đường thủy nội địa cấp đặc biệt, cấp I	20
2	Luồng đường thủy nội địa cấp II, III	15
3	Luồng đường thủy nội địa cấp IV trở xuống	10

Ghi chú:

- Tiêu chí được xây dựng trên cơ sở khoản 1 và khoản 4 Điều 6 Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa.

- Việc xác định loại đường thủy nội địa, hành lang vận tải, tuyến vận tải chính và cấp kỹ thuật luồng đường thủy nội địa căn cứ văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ quản lý luồng và số liệu thực tế.

- Trường hợp một luồng đáp ứng nhiều mức điểm trong cùng một nhóm tiêu chí thì áp dụng mức điểm cao nhất trong nhóm tiêu chí đó. Kết quả chấm điểm phải được thuyết minh bằng hồ sơ, số liệu quản lý thực tế.